

Họ, tên thí sinh:

Mã đề: 1550

Số báo danh:

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**Câu 1:** Một tam giác vuông có cạnh huyền 34 và một cạnh góc vuông 30. Cạnh góc vuông còn lại bằng:

A. 20

B. 16

C. 8

D. 10

Câu 2: Phân tích đa thức $x^2 + 8x + 16$ thành nhân tử, ta được:A. $(x - 4)^2$ B. $(x + 4)(x - 4)$ C. $x(x + 8)$ D. $(x + 4)^2$ **Câu 3:** Phân tích đa thức $x^2 - 12x + 36$ thành nhân tử, ta được:A. $x(x - 12)$ B. $(x + 6)^2$ C. $(x - 6)(x + 6)$ D. $(x - 6)^2$ **Câu 4:** Hệ số tự do trong khai triển $(x - 3)^2$ bằng:

A. 1

B. 11

C. 9

D. 8

Câu 5: Phân tích đa thức $xy + 2x + y + 2$ thành nhân tử, ta được:A. $(x + 1)(y + 1)$ B. $x(y + 2)$ C. $(x + 2)(y + 1)$ D. $(x + 1)(y + 2)$ **Câu 6:** Phân tích đa thức $x^2 - 7^2$ thành nhân tử, ta được:A. $x(x - 7)$ B. $(x + 7)^2$ C. $(x - 7)(x + 7)$ D. $(x - 7)^2$ **Câu 7:** Trong khai triển $(x + 2)^2 = x^2 + bx + 2^2$, hệ số b bằng:

A. 5

B. 1

C. 4

D. 10

Câu 8: Phân tích đa thức $xy + 3x + y + 3$ thành nhân tử, ta được:A. $(x + 3)(y + 1)$ B. $x(y + 3)$ C. $(x + 1)(y + 3)$ D. $(x + 1)(y + 1)$

Câu 9: Phân tích đa thức $x^2 - 2^2$ thành nhân tử, ta được:

A. $(x - 2)^2$

B. $(x + 2)^2$

C. $x(x - 2)$

D. $(x - 2)(x + 2)$

Câu 10: Phân tích đa thức $x^2 - 4x + 4$ thành nhân tử, ta được:

A. $x(x - 4)$

B. $(x + 2)^2$

C. $(x - 2)(x + 2)$

D. $(x - 2)^2$

Câu 11: Thu gọn $3x^2 + 7x^2$ ta được biểu thức có hệ số bằng:

A. 14

B. 13

C. 10

D. 11

Câu 12: Phân tích đa thức $x^2 + 14x + 49$ thành nhân tử, ta được:

A. $(x + 7)^2$

B. $(x + 7)(x - 7)$

C. $(x - 7)^2$

D. $x(x + 14)$

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 7. Câu 1–5: trả lời ngắn (ghi đáp số); câu 6–7: tự luận (trình bày lời giải).

Câu 1: Bậc của đơn thức $5x^3y^1$ là: Trả lời:

Câu 2: Bậc của đa thức $7x^3y^2 - 4xy + 2$ là: Trả lời:

Câu 3: Trong khai triển $(x + 5)^3$, hệ số của x^2 bằng: Trả lời:

Câu 4: Giá trị của biểu thức $x^2 - 2$ tại $x = 5$ bằng: Trả lời:

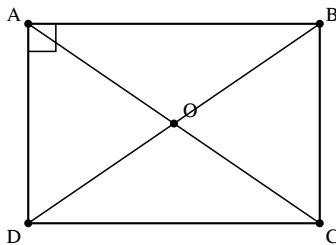
Câu 5: Hệ số tự do trong khai triển $(x - 5)^2$ bằng: Trả lời:

Câu 6: Cho hình bình hành ABCD có góc $A = 90^\circ$. Hai đường chéo AC và BD cắt nhau tại O.

a) Chứng minh tứ giác ABCD là hình chữ nhật.

b) Chứng minh $OA = OB = OC = OD$.

(Tự luận chứng minh — trình bày lời giải)

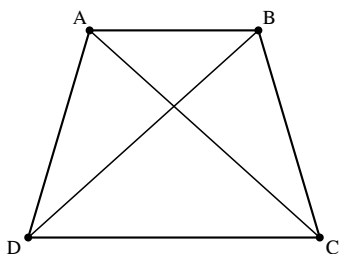


Câu 7: Cho hình thang ABCD ($AB \parallel CD$) có hai góc kề đáy CD bằng nhau: góc ADC = góc BCD.

a) Chứng minh tứ giác ABCD là hình thang cân.

b) Chứng minh hai đường chéo $AC = BD$.

(Tự luận chứng minh — trình bày lời giải)



----- **HẾT** -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO — Đề thi thử khảo sát chất lượng môn Toán lớp 8 —
Đề số 10

Phần I. Trắc nghiệm 4 phương án

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	D	D	C	D	C	C	C	D	D	C	A

Phần II. Tự luận

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	4	5	15	23	25	(TL)	(TL)

* Lời giải chi tiết từng câu chỉ hiển thị sau khi mở khoá đáp án của đề (hoặc mua trọn bộ).